TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3- 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Mỹ Dung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ **Ông Nguyễn Ngọc Thành**
2/ **Bà Mai Thị Thu Hà**

-Thư ký phiên toà: **Bà Lê Yến Phương** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành không th*am gia phiên tòa*

Ngày **28** tháng **3** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 2 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Anh **Võ Văn T,** sinh năm**:** 1983 **(Có mặt)**
Nơi cư trú: Tổ 12, ấp Hòa Long 2, TT An Châu, Châu Thành, An Giang.

2.*Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị H,** sinh năm: 1985 **(Có mặt)**
Nơi cư trú: Tổ 12, ấp Hòa Long 2, TT An Châu, Châu Thành, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 27/2/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Võ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau vào năm 2001, hôn nhân do quen biết, không có tổ chức cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống thì anh và chị H sống hạnh phúc được 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên vợ chồng luôn bất hòa không hạnh phúc, anh và chị H ly thân nhau khoảng 9 năm. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H

Về con chung: Anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung tên Võ Thành T, sinh ngày 27/7/2003 và Võ Thành P, sinh ngày 20/7/2009. Hiện hai cháu đang sống với chị H, sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu T và cháu P cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có

Trong bản tự khai ngày 27/2/2018, phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải và phiên tòa hôm nay bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất phần trình bày của anh T về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẩn đúng như anh T trình bày là do tính tình không còn phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên vợ chồng luôn bất hòa không hạnh phúc, chị và anh T ly thân nhau khoảng 9 năm. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của anh T, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý yêu cầu xin ly hôn của anh T

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thành T, sinh ngày 27/7/2003 và Võ Thành P, sinh ngày 20/7/2009. Hiện hai cháu đang sống với chị . Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ năm 2001, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới. Theo anh T và chị H trình bày anh, chị chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn A ngày 27/20/2018 thì sau khi trích lục hồ sơ đăng ký kết hôn thể hiện không có tên trong hồ sơ đăng ký kết hôn của chị H và anh T. Từ xác nhận trên cho thấy hôn nhân giữa anh T và chị H đã không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó hôn nhân của anh T và chị H đã vi phạm tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều 53 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh T và chị H không được công nhận là hôn nhân thực tế, do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị H là phù hợp.

2. **Về con chung:** Có 02 con chung tên Võ Thành T, sinh ngày 27/7/2003 và Võ Thành P, sinh ngày 20/7/2009. Hiện hai cháu đang sống với chị H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi con, anh T đồng ý giao con cho chị H nuôi con, trong bản tự khai của hai cháu P và cháu T cũng có nguyện vọng sống với chị H khi cha mẹ ly hôn. Do đó ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của chị H và anh T sau khi ly hôn chị H được nuôi dưỡng hai con chung là cháu P và cháu T, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Giành quyền tới lui chăm sóc con chung cho anh T không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3. **Về tài sản và nợ chung:** Không có

4.**Về án phí:** Do yêu cầu của anh Võ Văn T được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1.**Về hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị H

2**. Về nuôi con chung**: Chị Nguyễn Thị H được nuôi dưỡng con chung Võ Thành T, sinh ngày 27/7/2003 và Võ Thành P, sinh ngày 20/7/2009. Anh Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở khi chị thực hiện quyền này

3**. Về tài sản chung:** Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

4**. Về nợ chung:** Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

5**. Về án phí dân sự sơ thẩm**: Anh Võ Văn T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003319 ngày 28/2/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

6**. Về kháng cáo**: Anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/3/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung